TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Bà Phan Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 216/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1979

Cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1976

Cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà B tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân vào năm 1997, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15/TPMT, quyển số 01/99, ngày 28/5/1999. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến cuối năm 2022 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng không thể hàn gắn và kéo dài nên ông Q yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 2000; hiện 02 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông Q. Tại phiên tòa, bà B tiếp tục vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Minh Q khởi kiện tranh chấp ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B. Theo bản sao sổ hộ khẩu số 010267583 do Công an thành phố L cấp ngày 22/4/2012, chủ hộ ông Nguyễn Minh Q được UBND phường M chứng thực số 02635 quyển số 1 ngày 23/5/2023 thể hiện bà B cư trú tại khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà B được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà B tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang ngày 28/5/1999 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết, ông Q xác định không còn tình cảm với bà B, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên ông yêu cầu ly hôn. Bà B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông Q về tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung; không cung cấp, giao nộp chứng cứ. Tại phiên tòa, bà B tiếp tục vắng mặt không lý do, thể hiện bà B không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông Q và bà B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì sẽ không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 2000. Xét thấy, hiện 02 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông Q không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà B không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Minh Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Q được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc B.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 2000; hiện 02 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Minh Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001589, ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông Q đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Minh Q và bà Nguyễn Thị Ngọc B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND phường Mỹ Thới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Hà Thị Chiền

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Chiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Chiền

4